

Bản án số: 07/2021/DS-ST  
Ngày 12-8-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Văn Vinh**

**Bà Phạm Thị Yến**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thiêm- Kiểm sát viên.

**Ngày 12 tháng 8** năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 266- 268 N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Chu Đức Tr

Nơi ĐKKHKT: Ngõ 52 Ph, tổ 4, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú cuối cùng: Số 9/48 đường L, Ph 1, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/2019, anh Chu Đức Tr có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng, lãi suất 2,15%/tháng cho anh Tr, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 472074- 1979, anh Tr đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 41.590.650 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng 24.173.000đồng. Quá trình sử dụng thẻ, nhiều kỳ anh Tr không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/12/2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Tr. Tính đến hết ngày **12/8/2021**, anh Tr còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc: 23.468.614 đồng;

Lãi quá hạn: **18.274.891** đồng;

Tổng cộng: **41.743.505** đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu anh Chu Đức Tr phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày **12/8/2021** là **41.743.505** đồng và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày **13/8/2021** cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Hải An nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Ngày 15/3/2019, anh Chu Đức Tr và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức tín dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng (sau đây viết là Hợp đồng).

[4] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng: Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nội dung của Hợp đồng có đầy đủ các điều khoản quy định tại Điều 13 của Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng số 19/2016/TT-NHNN. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[5] Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên: Theo bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472074- 1979 của anh Chu Đức Tr, xác định: Tổng số tiền mà anh Tr thực hiện giao dịch thẻ là 41.590.650 đồng. Tổng số tiền mà anh Tr đã thanh toán là 24.173.000 đồng tính đến ngày 22/9/2019. Từ thời điểm này đến nay anh Tr không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy, anh Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau 3 kỳ liên tiếp anh Tr không thanh toán cho Ngân hàng nên ngày 22/12/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tiến hành thu toàn bộ nợ là phù hợp với Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6.1] Theo Điều 1.9 Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng thì dư nợ gốc là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ. Theo bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472074- 1979 của anh Chu Đức Tr thì tại thời điểm vi phạm hợp đồng ngày 22/12/2019 tổng dư nợ của anh Trung là 23.468.614 đồng.

[6.2] Theo Thông báo v/v thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 và Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ SBank phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng TMCP S, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15%/tháng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Đối với lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận là phù hợp với điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Theo bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472074- 1979 của anh Chu Đức Tr: Từ ngày 22/12/2019 Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn (150% x 2,15%/tháng) đối với toàn bộ dư nợ gốc 23.468.614 đồng là phù hợp. Nên có căn cứ xác định: Tính đến hết ngày **12/8/2021**, anh Tr còn nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là **18.274.891** đồng.

[6.3] Từ nhận định [6.1] và [6.2] xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Buộc anh Chu Đức Tr phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là **41.743.505 đ (bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm linh năm đồng)**. Trong đó: Dư nợ gốc là 23.468.614đ (hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm mười bốn đồng), nợ lãi quá hạn là **18.274.891đ (mười tám triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm chín mươi một đồng)**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

## 2. Về án phí:

- Anh Chu Đức Tr phải chịu **2.087.175đ (hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp : 958.162 đ (chín trăm năm mươi tám nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu số 0018117 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An , Hải Phòng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**